UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38 /QĐ-STTTT

Bình Định, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công khai dự toán ngân sách năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định (*theo biểu mẫu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Trần Kim Kha

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định
Mã chương: 427

Biểu số 1
Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-STTTT ngày 10/..04 /2023)

đv tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở TT&TT	Trung tâm CNTT &TT
	TỔNG DỰ TOÁN THU CHI NSNN	**71.796**	**62.796**	**67.417**	**4.379**
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**150**	**150**	**150**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	**150**	**150**	**150**	
	Phí	150	150	150	
a	*Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản: Tài liệu in trên giấy*	150	150	150	
b	*Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính*				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**135**	**135**	**135**	
2.2	Chi quản lý hành chính	135	135	135	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	135	135	135	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	15	15	15	
3.2	Phí	15	15	15	
	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản: Tài liệu in trên giấy	*15*	*15*	*15*	
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính		*0*	*0*	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**71.646**	**62.646**	**67.267**	**4.379**
1	**Chi quản lý hành chính**	**50.514**	**50.514**	**49.106**	**1.408**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.654	3.654	3.654	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	46.860	46.860	45.452	1.408
2	**Chi sự nghiệp đào tạo**	**683**	**683**	**683**	

	Trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo theo QĐ 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	124	124	124	
	Tập huấn lĩnh vực thông tin và truyền thông	559	559	559	
3	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**13.949**	**4.949**	**10.978**	**2.971**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.689	1.689		1.689
3.2	Kinh phí nghiệp vụ văn hóa thông tin	12.260	3.260	10.978	1.282
4	**Chi đầu tư phát triển**	**6.500**	**6.500**	**6.500**	